SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRIỆU SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1600 /QĐ-BVTS

Triệu Sơn, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 37/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Bộ Y tế quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế:

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc có ít nhất 3 hãng trong nước trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế về chất lượng, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1562/QĐ-BVTS ngày 11/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn về việc phê duyệt chủ trương mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-BVTS ngày 16/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026

Căn cứ Biên bản họp ngày 17/9/2026 của Tổ mua sắm Thuốc – Vật tư, hóa chất;

Xét đề nghị của Tổ mua sắm Thuốc – Vật tư, hóa chất tại Tờ trình ngày 18/9/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026, với nội dung chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Giao cho Tổ mua sắm Thuốc – Vật tư, hóa chất, phối hợp với các khoa phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Giao Tổ mua sắm Thuốc – Vật tư, hóa chất lập Hồ sơ mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổ mua sắm thuốc – Vật tư, Hóa chất và các khoa phòng, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KD-VT, TBYT

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRIỆU SƠN

Lê Đình Tiệp

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:
Dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1600 */QĐ-BVTS ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn)*

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn	Gói thầu: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026	Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026	**1.999.698.900**	Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		30 ngày	Quý 3 năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1.999.698.900 đồng *(*Bằng chữ*:* Một tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm đồng chẵn*).*												

Phụ lục II DANH MỤC HÀNG HÓA:
Dự toán mua sắm: Mua thuốc bổ sung tháng 9 năm 2026
(Kèm theo Quyết định số 1600 */QĐ-BVTS ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Triệu Sơn)*

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1.	26CGT9.GE6	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrat)	5	0,5mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	3.000	28.000	84.000.000
2.	26CGT9.GE7	Fentanyl	5	0,1mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1.500	12.499	18.748.500
3.	26CGT9.GE8	Morphin hydroclorid	4	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	3.000	8.925	26.775.000
4.	26CGT9.GE9	Paracetamol	4	1g/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi:	60.000	8.835	530.100.000
5.	26CGT9.GE10	Iopromid acid	1	623,4mg/ml (tương ứng với 300mg Iod), 50ml	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Lọ	300	254.678	76.403.400
6.	26CGT9.GE11	Salbutamol sulfat	1	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 100mcg/liều, 200 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hộp/ bình/lọ	1.500	105.000	157.500.000
7.	26CGT9.GE12	Diosmin	4	500mg	Uống	Viên	Viên	20.000	4.150	83.000.000
8.	26CGT9.GE13	Tobramycin + dexamethason	4	0,3% (w/v); 0,1% (w/v)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	2.000	35.000	70.000.000
9.	26CGT9.GE14	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	4	35mg; 100.000IU; 10mg/10ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	Lọ	2.000	36.700	73.400.000
10.	26CGT9.GE15	Natri hyaluronat	4	0,18% (w/v)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	39.000	39.000.000

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VND)
11.	26CGT9.GE16	Kali clorid	4	500mg	Uống	Viên	Viên	15.000	790	11.850.000
12.	26CGT9.GE17	Calci clorid	4	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	400	1.050	420.000
13.	26CGT9.GE18	Natri clorid	4	0,9% 500ml	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	50.000	6.197	309.850.000
14.	26CGT9.GE19	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 0,9g	4	0,9%;100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	77.000	4.300	331.100.000
15.	26CGT9.GE20	Risedronat	2	35mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000	9.700	29.100.000
16.	26CGT9.GE21	Glyceryl trinitrat(Nitroglycerin)	4	5mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	200	50.000	10.000.000
17.	26CGT9.GE22	Metoclopramid HCl	4	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ống	4.000	1.245	4.980.000
18.	26CGT9.GE23	Bismuth	2	262,5mg	Uống	Viên	Viên	19.600	5.820	114.072.000
19.	26CGT9.GE24	Tetracyclin hydroclorid	4	500mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	39.200	750	29.400.000
Tổng: 19 khoản										**1.999.698.900**